CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN-HÀ NỘI
Số: 312 /2024/QĐ-TGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Công bố danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS từ 10/10/2024)

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN-HÀ NỘI

- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua ngày 29/06/2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Thông tư số 74/2011/TT-BTC ngày 01 tháng 06 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch chứng khoán;*
- *Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán;*
- *Căn cứ thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ;*
- *Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội,*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thêm cổ phiếu BNA, SJE (sàn HNX) vào Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS từ ngày 10/10/2024.

Theo đó, Danh mục chứng khoán giao dịch ký quỹ tại SHS từ ngày 10/10/2024 bao gồm 365 mã chứng khoán (trong đó 266 mã chứng khoán sàn HSX và 99 mã chứng khoán sàn HNX) như Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 301/2024/QĐ-TGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, các Phòng ban có liên quan, các chi nhánh Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Chí Thành

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 10/10/2024

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
1	AAA		1	BAB
2	ABT		2	BAX
3	ACB		3	BCF
4	ACC		4	BNA
5	ACG		5	BVS
6	ACL		6	CAP
7	ADS		7	CDN
8	AGG		8	CEO
9	AGR		9	CLH
10	ANV		10	CSC
11	APG		11	DHP
12	ASM		12	DHT
13	AST		13	DL1
14	BAF		14	DNP
15	BCG		15	DP3
16	BCM		16	DTD
17	BFC		17	DVM
18	BHN		18	DXP
19	BIC		19	EID
20	BID		20	EVS
21	BKG		21	GIC
22	BMC		22	GKM
23	BMI		23	GMX
24	BMP		24	HAT
25	BRC		25	HCC
26	BSI		26	HJS
27	BTP		27	HLC
28	BVH		28	HMR
29	BWE		29	HUT
30	CCL		30	HVT
31	CDC		31	IDC
32	CHP		32	IDV
33	CII		33	INN
34	CLC		34	IPA
35	CMG		35	LAS
36	CNG		36	LHC
37	CRC		37	LIG

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
38	CSM		38	MBS
39	CSV		39	MCF
40	CTD		40	MVB
41	CTF		41	NAG
42	CTG		42	NBC
43	CTI		43	NDN
44	CTR		44	NET
45	CTS		45	NTP
46	CVT		46	PBP
47	DBC		47	PCE
48	DBD		48	PCH
49	DBT		49	PGN
50	DC4		50	PGS
51	DCL		51	PLC
52	DCM		52	PMC
53	DGC		53	PMS
54	DGW		54	PPS
55	DHA		55	PPT
56	DHC		56	PRE
57	DHG		57	PSD
58	DHM		58	PSE
59	DIG		59	PSI
60	DMC		60	PSW
61	DPG		61	PVB
62	DPM		62	PVC
63	DPR		63	PVG
64	DRC		64	PVI
65	DRL		65	PVS
66	DSN		66	RCL
67	DVP		67	S55
68	DXG		68	S99
69	DXS		69	SCI
70	EIB		70	SD5
71	ELC		71	SD9
72	EVF		72	SED
73	FCN		73	SGC
74	FIR		74	SHN

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
75	FIT		75	SJE
76	FMC		76	SLS
77	FPT		77	TA9
78	FRT		78	TDT
79	FTS		79	THT
80	GAS		80	TIG
81	GDT		81	TMB
82	GEG		82	TNG
83	GEX		83	TPP
84	GIL		84	TTC
85	GMD		85	TTT
86	GSP		86	TV4
87	GTA		87	TVD
88	GVR		88	VBC
89	HAH		89	VC3
90	HAP		90	VC7
91	HAR		91	VCC
92	HAX		92	VCS
93	HCD		93	VFS
94	HCM		94	VGS
95	HDB		95	VHE
96	HDC		96	VIF
97	HDG		97	VNC
98	HHP		98	VNR
99	HHS		99	WCS
100	HHV			
101	HII			
102	HMC			
103	HPG			
104	HPX			
105	HQC			
106	HSG			
107	HSL			
108	HT1			
109	HTI			
110	HTL			
111	HTN			
112	HTV			
113	HUB			
114	HVH			
115	IDI			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
116	IJC			
117	ILB			
118	IMP			
119	ITC			
120	KBC			
121	KDC			
122	KDH			
123	KHG			
124	KHP			
125	KMR			
126	KOS			
127	KSB			
128	LBM			
129	LCG			
130	LHG			
131	LIX			
132	LPB			
133	LSS			
134	MBB			
135	MIG			
136	MSB			
137	MSH			
138	MSN			
139	MWG			
140	NAB			
141	NAF			
142	NBB			
143	NCT			
144	NHA			
145	NHH			
146	NKG			
147	NLG			
148	NNC			
149	NSC			
150	NTL			
151	OCB			
152	OPC			
153	ORS			
154	PAC			
155	PAN			
156	PC1			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
157	PDN			
158	PDR			
159	PET			
160	PGC			
161	PGD			
162	PGI			
163	PHC			
164	PHR			
165	PJT			
166	PLX			
167	PNJ			
168	POW			
169	PPC			
170	PTB			
171	PVD			
172	PVP			
173	PVT			
174	REE			
175	SAB			
176	SAM			
177	SBA			
178	SBT			
179	SCR			
180	SCS			
181	SFC			
182	SFG			
183	SFI			
184	SGN			
185	SHA			
186	SHB			
187	SHI			
188	SHP			
189	SIP			
190	SJD			
191	SJS			
192	SKG			
193	SMB			
194	SRC			
195	SSB			
196	SSC			
197	SSI			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
198	ST8			
199	STB			
200	STG			
201	SVC			
202	SVI			
203	SVT			
204	SZC			
205	SZL			
206	TBC			
207	TCB			
208	TCD			
209	TCH			
210	TCI			
211	TCL			
212	TCM			
213	TCO			
214	TCT			
215	TDG			
216	TDM			
217	TDP			
218	TEG			
219	THG			
220	TIP			
221	TLG			
222	TMP			
223	TMS			
224	TN1			
225	TNC			
226	TNH			
227	TNT			
228	TPB			
229	TRA			
230	TRC			
231	TTA			
232	TV2			
233	TVS			
234	TVT			
235	UIC			
236	VCB			
237	VCG			
238	VCI			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
239	VDP			
240	VDS			
241	VFG			
242	VGC			
243	VHC			
244	VHM			
245	VIB			
246	VIC			
247	VIP			
248	VIX			
249	VJC			
250	VND			
251	VNL			
252	VNM			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
253	VOS			
254	VPB			
255	VPG			
256	VPI			
257	VPS			
258	VRC			
259	VRE			
260	VSC			
261	VSH			
262	VSI			
263	VTO			
264	VTP			
265	YBM			
266	YEG			